

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-12-2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ;

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 108/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2018, giữa:

1. *Nguyên đơn:* chị Rơ Mah P; địa chỉ: làng N, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Hà Văn B; địa chỉ: làng G, xã P, huyện G, tỉnh Gia Lai; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 15-6-2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Rơ Mah P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Hà Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13-10-2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, vì quan điểm sống không giống nhau nên anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Khi vợ chồng mâu thuẫn, anh B hay đập phá đồ đạc, đe dọa sử dụng bạo lực với chị và bố mẹ chị. Chị đã nhiều lần khuyên bảo anh B và nhờ chính quyền địa phương động viên, hòa giải nhưng anh B không thay đổi, cuộc sống vợ chồng vì thế không hạnh phúc. Nay chị cảm thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị và anh B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung và tài sản chung: chị và anh B chưa có con chung, không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Hà Văn B không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Rơ Mah P và không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

3. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ia Grai đã xác định quan hệ tranh chấp, thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quyền, lợi ích của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: xét mâu thuẫn hôn nhân giữa các đương sự là có thật và đã lâm vào tình trạng trầm trọng nên căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Rơ Mah P, xử cho chị P được ly hôn với anh Hà Văn B; căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Đơn khởi kiện đề ngày 15-6-2018 của chị P về việc ly hôn với anh B đảm bảo hình thức, nội dung quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của chị P là tranh chấp về hôn nhân gia đình, anh B cư trú tại làng G, xã P, huyện G nên Tòa án nhân dân huyện Ia Grai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị P và anh B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13-10-2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn của chị P và anh B đảm bảo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hợp pháp và làm phát sinh các quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng.

Theo lời trình bày của chị P, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị và anh B là do quan điểm sống của anh chị không giống nhau, không có sự hòa hợp, anh B nhiều lần đe dọa, sử dụng bạo lực với chị P và bố mẹ chị P, mặc dù chị P đã cố gắng khuyên bảo và nhờ chính quyền địa phương động viên, hòa giải nhưng anh B không thay đổi. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị P và anh B là có thật. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh B nợ nần nhiều người, thường xuyên bị đòi nợ nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Chị P đã nhiều lần báo cáo với Ban Nhân dân làng G, xã P nhưng cũng không thể giải quyết được

những mâu thuẫn của anh chị. Hiện nay, chị P và anh B đã ly thân, không còn sống chung với nhau.

Mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Điều này thể hiện mâu thuẫn hôn nhân giữa chị P và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh B là có cơ sở, được chấp nhận.

[4] Chị P không yêu cầu giải quyết do vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[6] Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chị Rơ Mah P được ly hôn với anh Hà Văn B.

2. Chị Rơ Mah P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0004815 ngày 16-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18-12-2018), các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- TAND tỉnh Gia Lai (01b);
- VKSND tỉnh Gia Lai (01b);
- VKSND huyện Ia Grai (01b);
- CCTHADS huyện Ia Grai (01b);
- UBND xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai (01b);
- Lưu: HSVA, VT-LT (02b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Thành Nhơn